

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 144/2020/DS-ST

Ngày: 28/5/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2019/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A.

Trụ sở: Tầng 2, Toà nhà B, số 09 đường Đ, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T; Sinh năm 1993;

Theo văn bản ủy quyền số 1134/UQTA-VH.19 ngày 22/8/2019

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Số 23/21 đường M, Phường M, Quận L, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A

(Gọi tắt là Công ty tài chính Ngân hàng A) có ông Nguyễn Anh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 13/8/2015, bà Trần Thị Kim P có ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20150813-100258-0005 với Công ty tài chính Ngân hàng A vay số tiền 21.100.000 đồng, với lãi suất thoả thuận là 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng, bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 30.008.000 đồng (Gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong 25 tháng, thanh toán 24 tháng đầu với số tiền mỗi tháng trả 1.201.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.184.000 đồng. Thanh toán vào ngày 17 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 17/9/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà P đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Công ty tài chính Ngân hàng A với tổng số tiền đã trả là 3.639.000 đồng.

Kể từ ngày 29/01/2016 đến nay bà P không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty tài chính Ngân hàng A đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty nên Công ty tài chính Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Trần Thị Kim P thanh lý hợp đồng và trả một lần cho Công ty tài chính Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 19.291.515 đồng

Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 7.077.485 đồng

Tổng số tiền Công ty tài chính Ngân hàng A yêu cầu bà Trần Kim P phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền là 26.369.000 đồng ngay khi bản án hoặc quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Công ty tài chính Ngân hàng A không yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử, sau khi xét xử. Chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền nợ trên theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất như đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Trần Thị Kim P đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà P không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà P cũng không có

bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính Ngân hàng A. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà Trần Thị Kim P.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Trần Thị Kim P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A khởi kiện bà Trần Thị Kim P yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Hiện nay, bị đơn – bà Trần Thị Kim P đang cư trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 8 trên cơ sở Phiếu yêu cầu xác minh số 560/PYCXM ngày 10/02/2020 của Tòa án Nhân dân Quận 8), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A có ông Nguyễn Anh T là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành

mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông T.

Bị đơn – bà Trần Thị Kim P, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Phụng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, việc Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A (Gọi tắt là Công ty tài chính Ngân hàng A) yêu cầu bà Trần Thị Kim P trả cho Công ty tài chính Ngân hàng A số tiền còn nợ 26.369.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 19.291.515 đồng và khoản nợ lãi 7.077.485 đồng) được thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150813-100258-0005 đã ký ngày 13/8/2015, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150813-100258-0005 đã ký ngày 13/8/2015 giữa Công ty tài chính Ngân hàng A và bà Trần Thị Kim P cùng các chứng cứ, tài liệu khác do Công ty tài chính Ngân hàng A cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Công ty tài chính Ngân hàng A với bà P có giao kết Hợp đồng tín dụng, số tiền vay 21.100.000đ (Hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân là có thật. Với lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 2.92%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 30.008.000 đồng (Gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong 25 tháng, thanh toán 24 tháng đầu với số tiền mỗi tháng trả 1.201.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.184.000 đồng. Thanh toán vào ngày 17 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 17/9/2015

Thực hiện hợp đồng bà Trần Thị Kim P đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng nhưng chỉ thực hiện thanh toán cho Công ty tài chính Ngân hàng A được số tiền 3.639.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng). Kể từ ngày 29/01/2016 cho đến nay, bà Phụng không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nữa cho Công ty tài chính Ngân hàng A dù Công ty tài chính Ngân hàng A đã thực hiện nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, đến thời điểm xét xử bà Trần Thị Kim P còn nợ Công ty tài chính Ngân hàng A tổng số tiền 26.369.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 19.291.515 đồng và khoản nợ lãi 7.077.485 đồng).

Xét, bà Trần Thị Kim P đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng đã ký kết, vi phạm quy định pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm

2015. Do đó Công ty tài chính Ngân hàng A yêu cầu thanh lý hợp đồng và yêu cầu bà Trần Thị Kim P phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 26.369.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 19.291.515 đồng và khoản nợ lãi 7.077.485 đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

Việc Công ty Tài chính Ngân hàng A không yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử, sau khi xét xử đối với số tiền nợ nêu trên là không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 có quy định:

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà P chậm trả tiền thì bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 668, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Trần Thị Kim P đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà P không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà P cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Ngân hàng A. Điều này xem như bà Trần Thị Kim P đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Kim P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính Ngân hàng A được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Kim P phải chịu là $26.369.000đ \times 5\% = 1.318.450đ$ (Một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng);

- Công ty Tài chính Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;

- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Kim P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A số tiền 26.369.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng); Gồm khoản nợ gốc: 19.291.515đ (Mười chín triệu hai trăm chín mươi một nghìn năm trăm mười lăm đồng) và khoản nợ lãi 7.077.485đ (Bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về yêu cầu không tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử, sau khi xét xử đối với khoản nợ trên của bà Trần Thị Kim P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.318.450đ (Một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng)**. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **660.000đ (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012707 ngày 27/12/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A và bà Trần Thị Kim P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.